CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng số 18

Ngày 30/06/2025	28,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.4%	-	-

DT thuần
Q2/25
908
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 205| 29.1%
YoY: ▼280| -23.6%

LN thuần
Q2/25
28.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.7| -32.1%
YoY: ▼22.0| -43.2%

LN sau thuế
Q2/25
24.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.60| 66.6%
YoY: ▲ 8.80| 57.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
5.9%
YoY: +/-▲ 2.5%

ROE (TTM)
Q2/25
30.3%
YoY: +/-▼ 0.1%

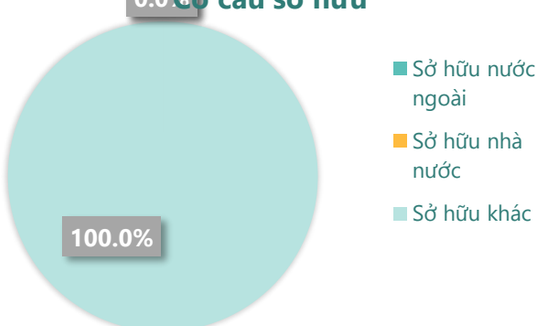
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	24,194 - 38,627
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,313
Số lượng CPLH (CP)	45,739,793
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,905
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.45
EPS	4,715
P/E	6.1

DT thuần
6T 2025
1,610
tỷ VNĐ
YoY: ▼546| -25.3%

LN thuần
6T 2025
71.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.20| 9.4%

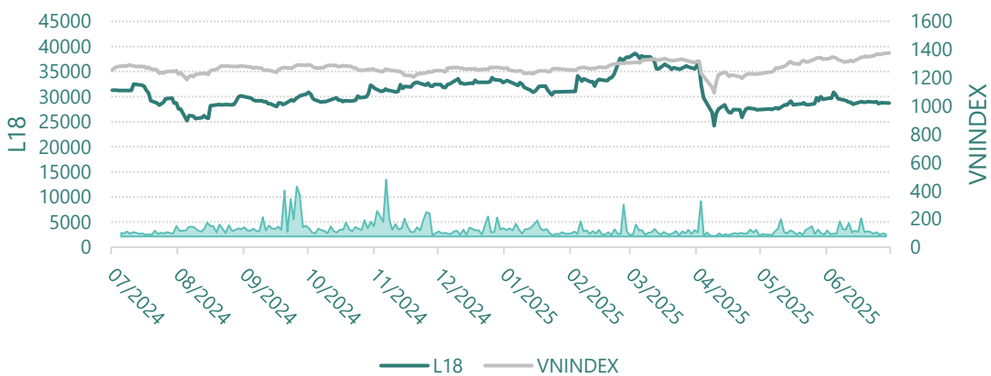
LN sau thuế
6T 2025
38.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0| 40.2%

Cơ cấu sở hữu

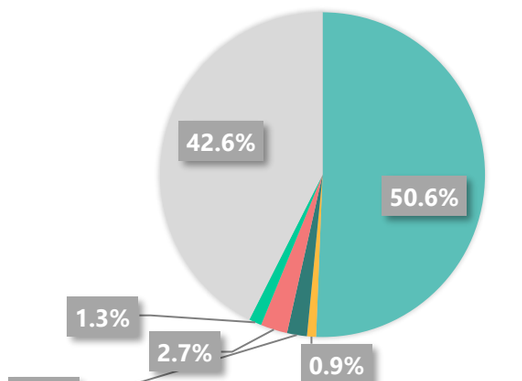


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

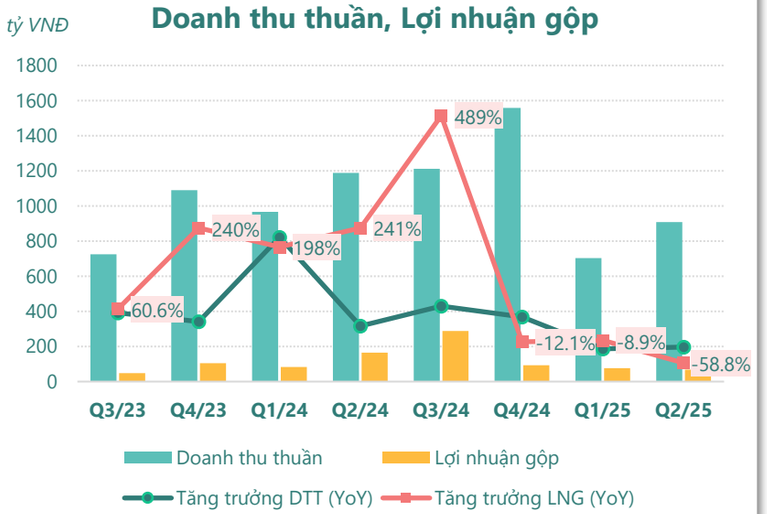


- Bùi Thanh Tuyên (Tổng giám đốc)
- CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc
- Đặng Văn Giang (Thành viên HĐQT)
- Văn Phụng Hà
- Ngô Văn Nam (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

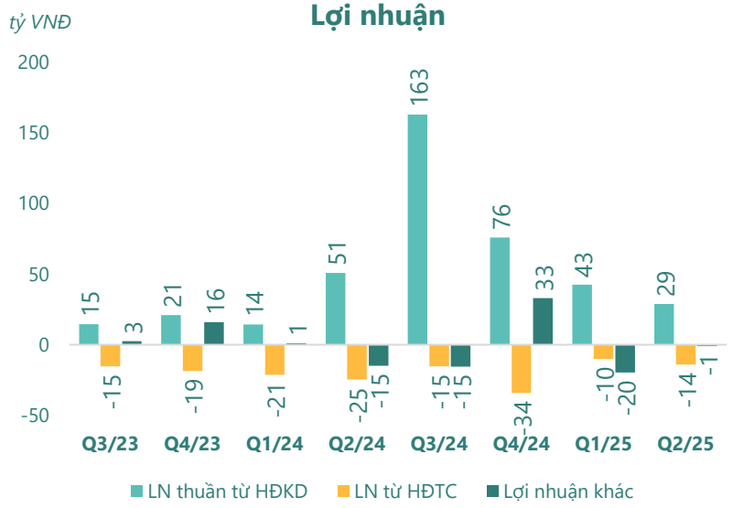
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



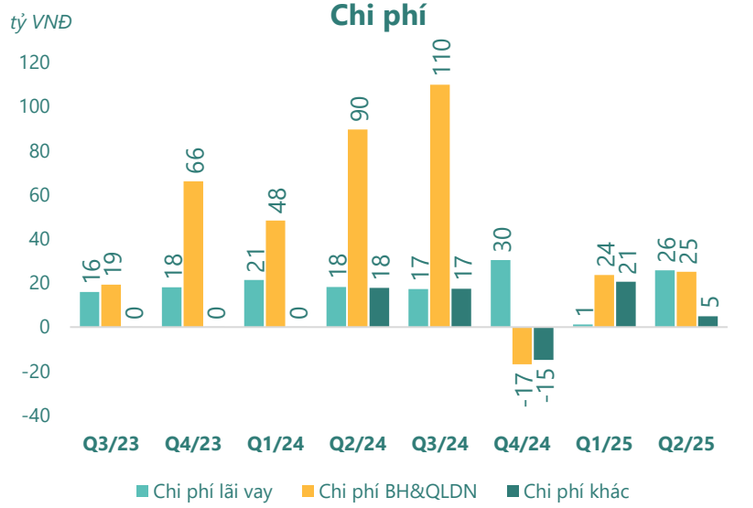
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



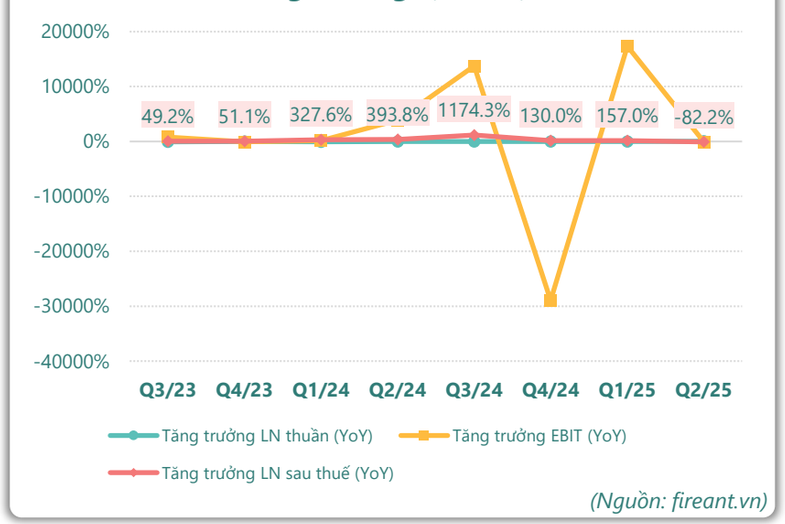
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



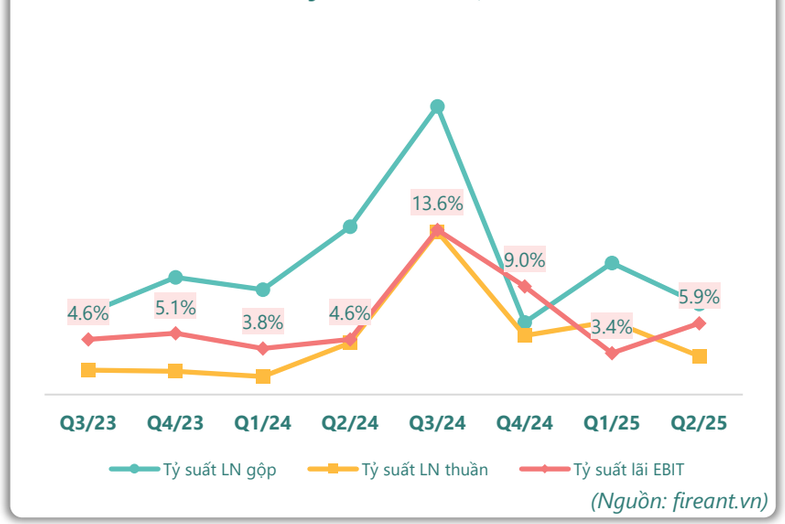
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



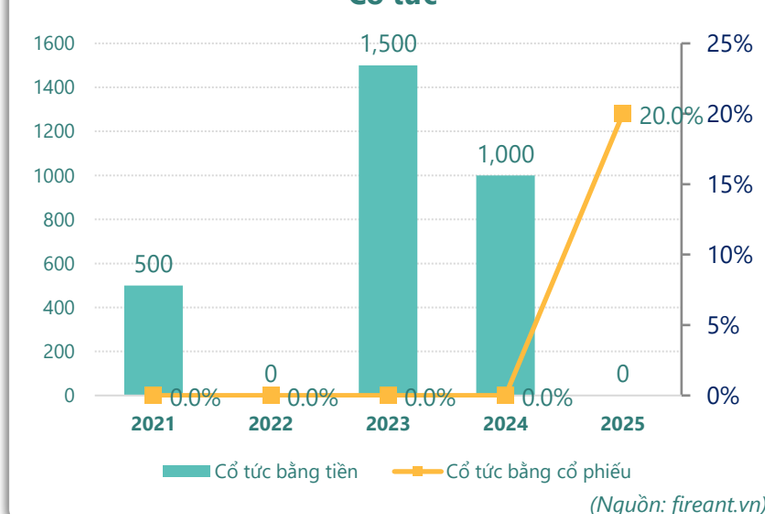
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

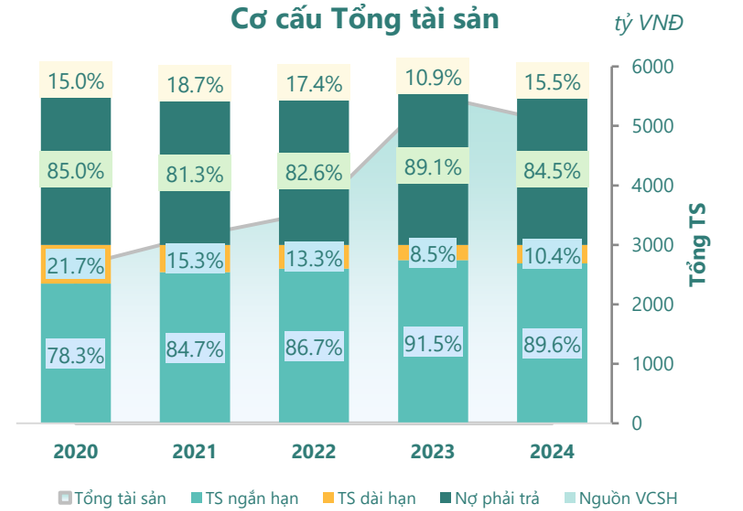
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

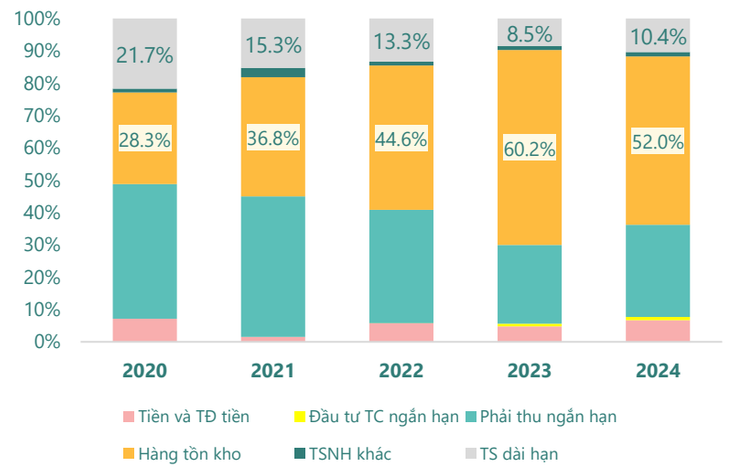
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



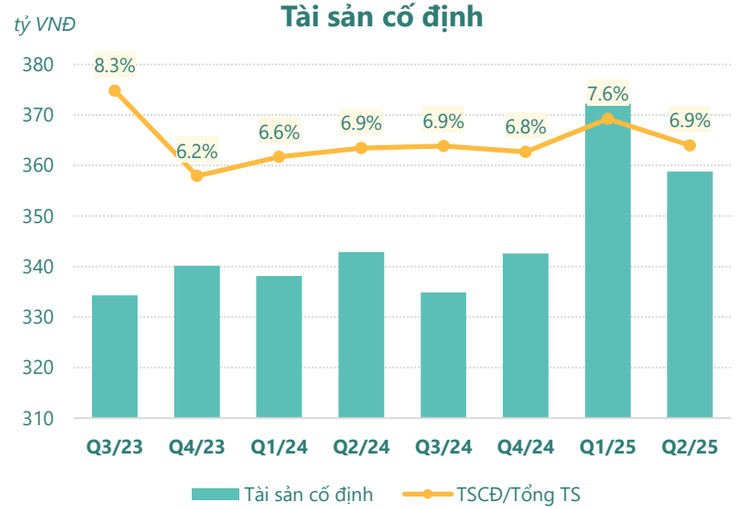
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



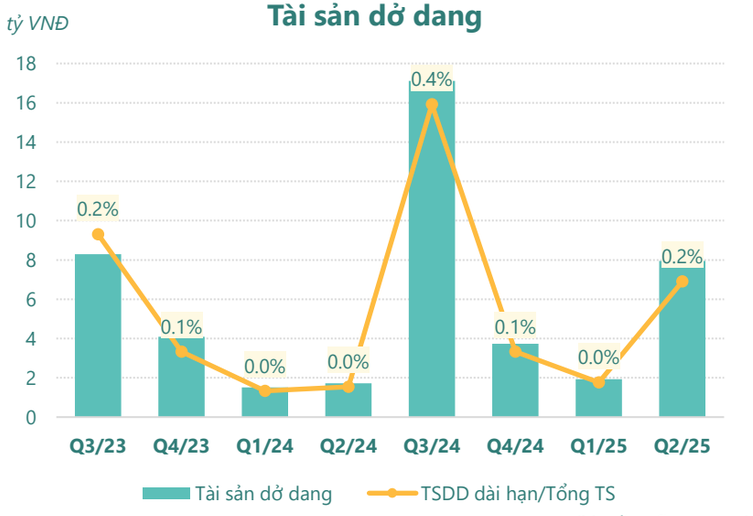
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



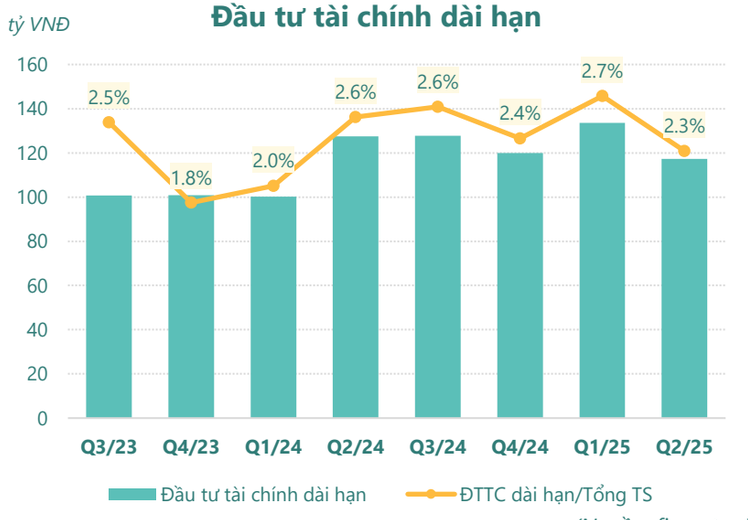
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



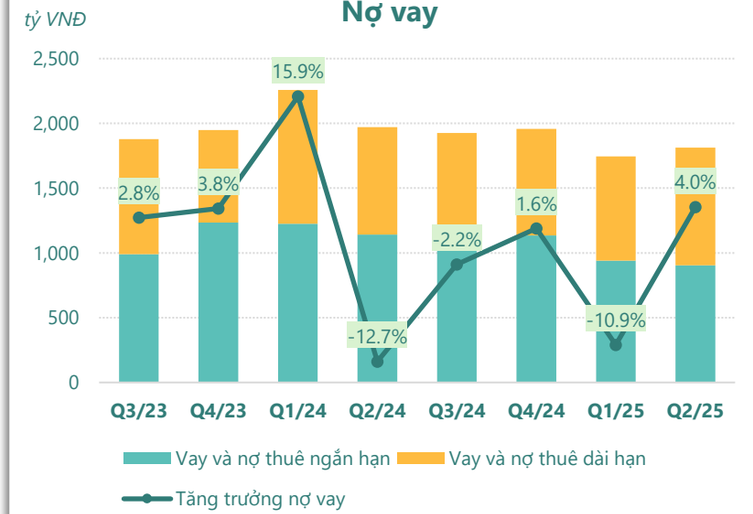
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

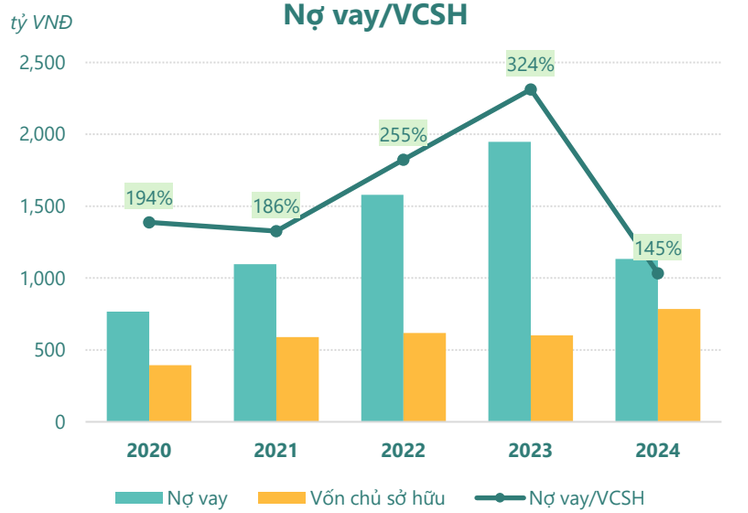
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

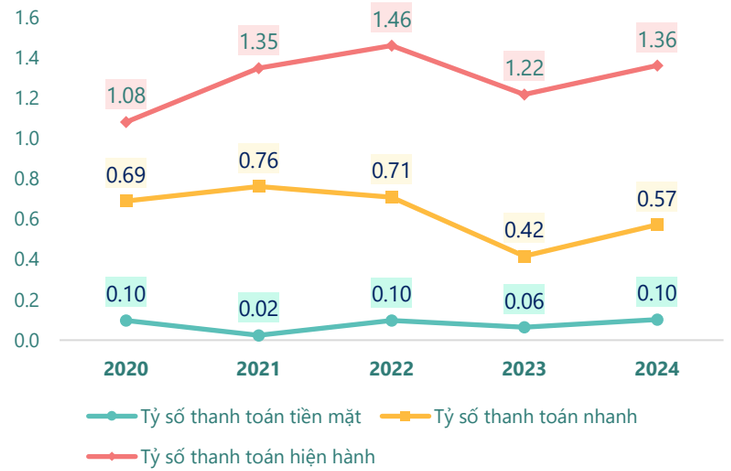
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



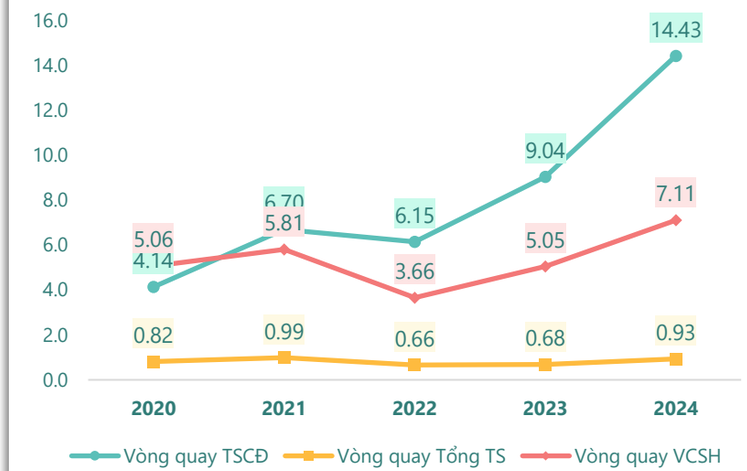
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



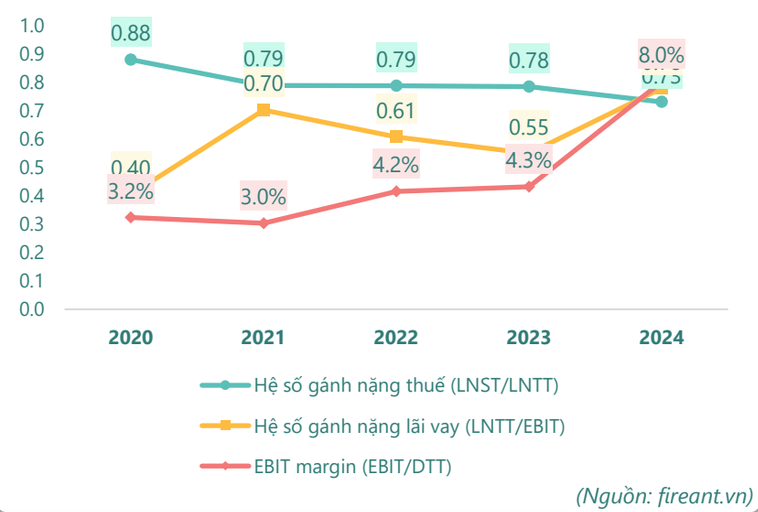
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



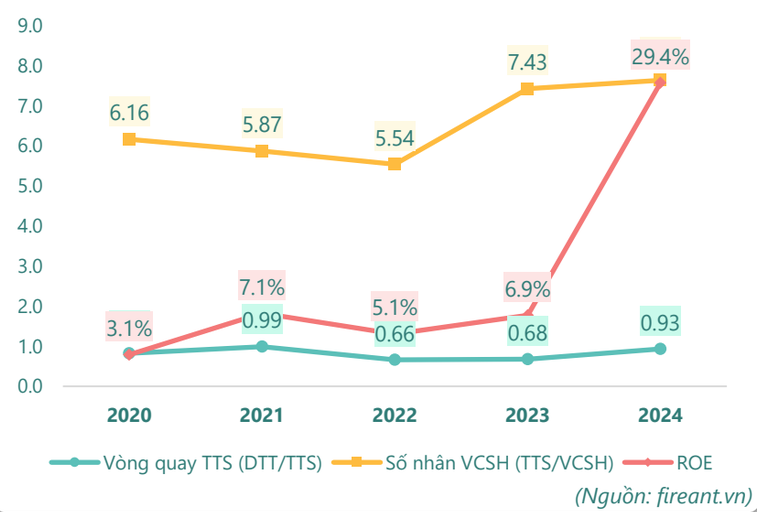
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



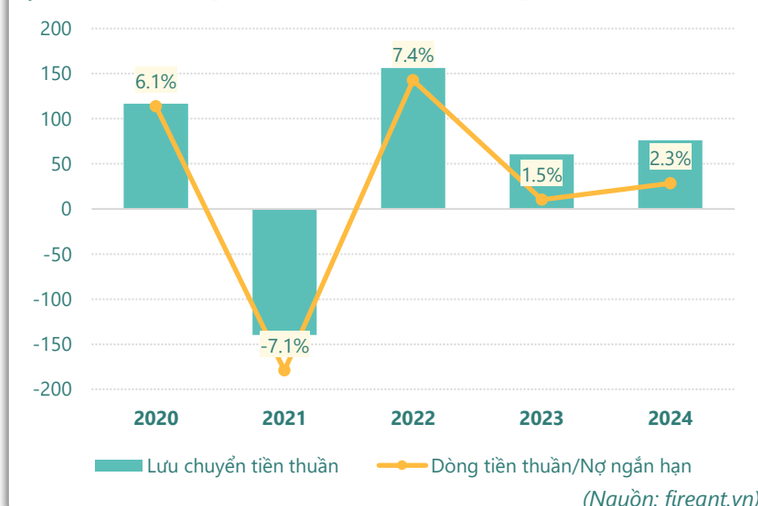
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**908**	**1,188**	**-23.6%**	**1,610**	**2,156**	**-25.3%**
Giá vốn hàng bán	840	1,023	-17.9%	1,466	1,907	-23.1%
Lợi nhuận gộp	68.1	165	-58.8%	144	249	-42.0%
Doanh thu HĐTC	1.59	0.47	237%	2.85	0.61	366%
Chi phí TC	15.7	25.2	-37.7%	27.2	46.6	-41.6%
Chi phí lãi vay	25.7	18.2	41.2%	26.8	39.6	-32.2%
LN trong công ty LKLD	**0.02**	**0.17**	**-87.4%**	**0.02**	**0.21**	**-88.4%**
Chi phí bán hàng	3.18	13.1	-75.7%	5.25	18.2	-71.2%
Chi phí QLDN	**21.9**	**76.6**	**-71.4%**	**43.5**	**120**	**-63.6%**
LN thuần từ HĐKD	28.8	50.8	-43.2%	71.4	65.2	9.4%
Lợi nhuận khác	**-0.99**	**-14.9**	**93.3%**	**-20.6**	**-13.8**	**-49.0%**
LN trước thuế	27.9	35.9	-22.4%	50.8	51.4	-1.2%
Lợi nhuận sau thuế	**24.0**	**15.2**	**57.9%**	**38.4**	**27.4**	**40.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**19.5**	**18.7**	**4.1%**	**32.0**	**20.9**	**53.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-405	320	-73.9	245	122	-122
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.18	-31.0	27.1	-9.79	-27.9	14.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	262	-242	-63.7	56.0	-239	29.8
Tiền đầu kỳ	264	113	160	49.2	341	196
Lưu chuyển tiền thuần	**-152**	**47.2**	**-111**	**291**	**-145**	**-77.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	113	160	49.2	341	196	118

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,172**	**5,064**	**2.1%**
Tài sản ngắn hạn	4,566	4,539	0.6%
Tiền và tương đương tiền	118	341	-65.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.3	48.3	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,566	1,446	8.3%
Hàng tồn kho	2,785	2,633	5.8%
Tài sản ngắn hạn khác	47.7	71.2	-33.0%
Tài sản dài hạn	**607**	**525**	**15.6%**
Phải thu dài hạn	0.48	0.03	1392%
Tài sản cố định	359	343	4.7%
Bất động sản đầu tư	45.7	0	
Tài sản dở dang	7.95	3.74	113%
Đầu tư tài chính dài hạn	117	120	-1.9%
Tài sản dài hạn khác	**60.3**	**42.0**	**43.7%**
Lợi thế thương mại	16.2	17.1	-5.3%
Nợ phải trả	4,367	4,280	2.0%
Nợ ngắn hạn	**3,345**	**3,335**	**0.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	905	1,134	-20.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	670	889	-24.6%
Nợ dài hạn	1,023	945	8.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	908	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**805**	**784**	**2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**805**	**784**	**2.7%**
Vốn điều lệ	457	381	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)